

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Marketing
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Marketing
Mã số:	7340115
Loại hình đào tạo:	Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp vào giải quyết các vấn đề thuộc ngành Marketing. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành Marketing chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1: *Áp dụng* kiến thức căn bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chính trị, pháp luật, kiến thức chung về kinh tế và quản lý để vận dụng vào các hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

PO2: *Vận dụng* kiến thức ngành và chuyên ngành về marketing trong việc; nghiên cứu, phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và điều hành các chương trình marketing của doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế hội nhập.

PO3: *Thể hiện* kỹ năng chuyên môn, các năng bổ trợ phù hợp với vị trí, việc làm trong lĩnh vực marketing.

PO4: *Thể hiện* được khả năng việc độc lập, năng lực tự chủ, khả năng tự cập nhật kiến thức, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực marketing.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing có khả năng:

PLO1: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị.

PLO2: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực marketing.

PLO3: *Áp dụng* được kiến thức cơ bản về các chức năng quản trị kinh doanh để phối hợp với chức năng marketing nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề về marketing.

PLO4: *Phân tích* được môi trường kinh doanh để nghiên cứu, phân tích, phát hiện, lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và điều hành hoạt động marketing.

Định hướng đào tạo: Marketing (Module 1)

PLO5.01: *Tổng hợp* được kiến thức chuyên ngành marketing nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và thực thi các hoạt động marketing.

Định hướng đào tạo: Truyền thông Marketing (Module 2)

PLO5.02: *Tổng hợp* được kiến thức chuyên ngành truyền thông marketing nhằm nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động truyền thông marketing.

PLO6: Sử dụng khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết vấn đề chuyên môn.

PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam).

PLO8: Sử dụng được duy phản biện, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin, những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong công việc chuyên môn.

PLO10: Thực hiện được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động.

PLO11: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; quản lý thị trường và thương mại...có liên quan đến thị trường, khách hàng, thương hiệu và các vấn đề Marketing.

- Nhóm nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo.

- Nhóm chuyên viên hay nhà quản trị các bộ phận có liên quan đến hoạt động marketing, thị trường, khách hàng, thương hiệu và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như:

- + Bộ phận marketing, quản trị marketing, quản trị và phát triển thị trường.

- + Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm; nghiên cứu thị trường.

- + Bộ phận quản trị thương hiệu; bộ phận quảng cáo và phát triển ý tưởng sáng tạo.

- + Bộ phận quản trị kênh phân phối, bán hàng và dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng.

- + Bộ phận cung ứng dịch vụ cho khách hàng của các công ty cung ứng dịch vụ liên quan đến thương hiệu, nghiên cứu marketing, truyền thông marketing.

- + Có khả năng trở thành giám đốc marketing, trưởng các bộ phận chức năng marketing, truyền thông, giám đốc thương hiệu,...

- Nhóm doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, tạo lập điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tùy thuộc năng lực của mỗi cá nhân sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Marketing sẽ đảm nhận những vị trí công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp. Con đường phát triển nghề nghiệp nhìn chung theo định hướng như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp, cử nhân Marketing có thể làm tại một vị trí công việc hoặc nhiều vị trí trong công ty, doanh nghiệp với nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Cụ thể là:

- *Nhân viên nghiên cứu thị trường*

- *Nhân viên kinh doanh*

- *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản phẩm, bán hàng, dự, cung ứng vật tư*

- *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*

- *Trợ lý dự án*

- *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*

- *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*

- **Trong thời gian từ 5-10 năm**, cử nhân Marketing có thể phát triển đến các vị trí như:

- *Trưởng một đơn vị trực thuộc như trưởng nhóm, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*

- Giám đốc điều hành vùng/khu vực
- Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ

○ **Sau 10 năm**, với các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Marketing là:

- Nhà phân tích thị trường
- Chủ một doanh nghiệp
- Giám đốc kinh doanh
- Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để có thể:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5.01	PLO5.02	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
PO1	X	X										
PO2			X	X	X	X						
PO3							X	X	X	X	X	
PO4												X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phân lý thuyết 68 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 21 tín chỉ

○ *Khoá luận tốt nghiệp*

09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
1.1. Lý luận chính trị			11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
1.2. Khoa học xã hội			2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học – Tin học			6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36, 18,90)	x
1.4. Ngoại ngữ			16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
1.5. Kiến thức bổ trợ			3		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUĐ	1	(15, 0, 30)	x
002379	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTMK	QT&MAR	1	(15,0,30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUĐ	1	(15,0,30)	x
1.6. Giáo dục thể chất			4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
1.7. Giáo dục quốc phòng			8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDTC	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDTC	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDTC	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDTC	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			24		
2.1.1. Kiến thức bắt buộc			20		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000519	3. Văn hoá kinh doanh	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	5. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001109	6. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000568	8. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong các học phần)			4		
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
001619	3. Kế toán quản trị	KTKT	2	(26, 8, 60)	
000480	4. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
2.2. Kiến thức ngành			49		
2.2.1. Kiến thức bắt buộc			37		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001104	1. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002380	3. Hành vi khách hàng	QT&MAR	3	(26, 8, 60)	x
001610	4. Nghiên cứu Marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
002381	6. Quản trị kênh phân phối	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
002382	7. Thực hành Quản trị marketing trong doanh nghiệp.	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
002383	8. Quản trị truyền thông marketing	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
001392	9. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002384	10. Digital Marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001373	11. Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
002387	12. Quản trị sản phẩm	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
002388	13. Quản trị giá	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
001107	14. Quản trị marketing	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)			12		
002101	1. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001479	2. Thực hành quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001481	3. Xây dựng và phát triển thương hiệu	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002062	4. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002389	5. Marketing chiến lược	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001289	6. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001106	7. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001333	8. Marketing thương mại	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001324	9. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001253	10. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Module)			25		
	2.3.1. Module 1: Marketing				
001611	1. Marketing quốc tế	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002391	2. Tiểu luận 2: Thực hành lập kế hoạch marketing	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
002385	3. Thực hành Digital- Marketing	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001287	4. Marketing dịch vụ	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002392	Thực Tập Cuối Khóa ngành QTMK	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
002393	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTMK	QT&MAR	9	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002057	1. Marketing khách hàng tổ chức (Marketing B2B)	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001967	2. Marketing thương mại điện tử	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002394	3. Tổ chức sự kiện - QTMK	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
	2.3.2. Module 2: Truyền thông Marketing		25		
002727	1. Quảng cáo và Khuyến mãi	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002728	2. Tiểu luận 2: Lập kế hoạch truyền thông Marketing	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
002385	3. Thực hành Digital- Marketing	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
002729	4. Bán lẻ trực tuyến	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002392	Thực Tập Cuối Khóa ngành QTMK	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
002393	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTMK	QT&MAR	9	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002390	1. Quan hệ công chúng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002730	2. Quản trị khủng hoảng truyền thông	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002731	3. Truyền thông mạng xã hội	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.
- Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

○ Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long